

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAR TÂM TÍN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAR TÂM TÍN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM TIN SOLAR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109086936

**3. Ngày thành lập:** 12/02/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 40B, ngõ 254, đường Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7120     |
| 2.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7211     |
| 3.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7212     |
| 4.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Kiểm định xây dựng<br>- Giám sát công tác xây dựng:<br>+ Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;<br>+ Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;<br>+ Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.<br>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình<br>Dịch vụ quan trắc môi trường | 7110     |
| 5.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2750     |
| 6.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2790     |
| 7.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2740     |
| 8.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3314     |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3313     |
| 10. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3600     |
| 11. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3700     |
| 12. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4291     |
| 13. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4292     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4293        |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4299        |
| 16. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4101        |
| 17. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4102        |
| 18. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4211        |
| 19. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4212        |
| 20. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4221        |
| 21. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4222        |
| 22. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4223        |
| 23. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4229        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322        |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659(Chính) |
| 26. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7730        |
| 27. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp<br>(trừ dịch vụ bảo vệ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8110        |
| 28. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7020        |
| 29. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường                                                                                                                                                                                                              | 7490        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | <p>Lắp đặt hệ thống điện</p> <p>Nhóm này gồm:</p> <p>Hoạt động lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dây dẫn và thiết bị điện,</li> <li>+ Đường dây thông tin liên lạc,</li> <li>+ Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học,</li> <li>+ Đĩa vệ tinh,</li> <li>+ Hệ thống chiếu sáng,</li> <li>+ Chuông báo cháy,</li> <li>+ Hệ thống báo động chống trộm,</li> <li>+ Tín hiệu điện và đèn trên đường phố,</li> <li>+ Đèn trên đường băng sân bay.</li> </ul> <p>Nhóm này cũng gồm: Hoạt động kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình.</p>                                                                                                                                                                                            | 4321 |
| 31. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Nhóm này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.</li> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thang máy, thang cuốn,</li> <li>+ Cửa cuốn, cửa tự động,</li> <li>+ Dây dẫn chống sét,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.</li> </ul> </li> </ul> <p>Loại trừ: Lắp đặt hệ thống máy móc công nghiệp được phân vào nhóm 3320 (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp).</p> | 4329 |
| 32. | <p>Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp</p> <p>Nhóm này gồm:</p> <p>Lắp đặt máy móc chuyên dụng. Tuy nhiên, việc lắp đặt thiết bị là bộ phận không thể thiếu của các toà nhà hoặc các cấu trúc tương tự, như lắp đặt dây dẫn điện, hệ thống chuông báo trộm hay lắp đặt hệ thống điều hoà, thang máy được xếp vào xây dựng.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt máy công nghiệp trong các nhà máy công nghiệp;</li> <li>- Lắp đặt thiết bị kiểm soát quá trình công nghiệp;</li> <li>- Tháo dỡ các máy móc và thiết bị cỡ lớn;</li> <li>- Lắp đặt thiết bị máy;</li> <li>- Lắp đặt các thiết bị chơi bowling...</li> </ul>                                                                                                                                                                                             | 3320 |

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGHIÊM QUANG TIẾN | Khu Nam Hưng, Thị trấn Nam Sách, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông         | 225.000    | 2.250.000.000         | 45,000    | 030091000720                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số                   | 225.000    | 2.250.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRƯƠNG ĐĂNG TUẤN  | Thôn Bình Minh, Xã Quỳnh Xá, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 255.000    | 2.550.000.000         | 51,000    | 034088008734                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số                   | 255.000    | 2.550.000.000         | 51,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                           |                           |        |             |       |           |
|---|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|-----------|
| 3 | NGUYỄN ĐỨC HUY | Công an tỉnh Quảng Ninh, Phường Trung Vương, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 4,000 | 101202630 |
|   |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                           | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 4,000 |           |
|   |                |                                                                                           |                           |        |             |       |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGHIÊM QUANG TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/12/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030091000720

Ngày cấp: 22/12/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Nam Hưng, Thị trấn Nam Sách, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 2 ngõ 68 đường Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội